

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 05-5-2021

V/v ly hôn và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bành Kim Phượng.

Các Hôi thâm nhân dân:

1. Bà Phùng Khánh Đào
2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quân Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 879/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đoàn Trần D**, sinh năm 1971; địa chỉ: đường A, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Đỗ Thị Thanh T**, sinh năm 1972; địa chỉ: số đường C, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (*Có mặt*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

1. Luật sư Hoàng Trí D1 –VPLS Hoàng Trí D1 – thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)
2. Luật sư Hoàng Vũ P– Công ty Luật Oristar - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Đoàn Viết H**, sinh năm 1944;
2. Bà **Trần Thi N**, sinh năm 1951;

Cùng địa chỉ: đường A, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông H và bà N: Ông Đoàn Trần D, sinh năm 1971 là người đại diện theo ủy quyền của ông H và bà N (Theo Giấy ủy quyền ngày 15/7/2020). (Có đơn xin vắng mặt)

3. Ngân hàng S; Địa chỉ trụ sở: đường I, phường L, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng S: Bà Nguyễn Thị Trúc Đ (Theo Giấy ủy quyền ngày 27/4/2020). (Có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Trần D trình bày:

Ông Đoàn Trần D và bà Đỗ Thị Thanh T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, chung sống vào năm 1999, đăng ký kết hôn năm 2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/01/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại địa chỉ 881/19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 7, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống, vấn đề tài chính, báo hiếu cha mẹ, giáo dục con cái, đặc biệt vợ chồng không còn tôn trọng nhau, lăng mạ, chửi bới, nhục mạ nhân phẩm nhau. Mặc dù đã cố gắng nói chuyện nhưng cả hai vẫn không hàn gắn được, năm 2017 vợ chồng bắt đầu ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn nên ông D yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông D và bà T có 02 con chung tên Đoàn Như Q, sinh năm 2000 – đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Đoàn Đỗ Minh K, sinh ngày 17/6/2008. Từ khi ly thân, trẻ K ở với bà T, ly hôn, ông D yêu cầu giao trẻ K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D đồng ý mức cấp dưỡng nuôi trẻ K 12.000.000 đồng/tháng theo bà T yêu cầu mặc dù ông còn phải lo cho ba mẹ già yếu.

Về tài sản chung của ông D và bà T gồm có:

Quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền trên đất tại địa chỉ 21/22 đường TTH 08, Khu phố 3A, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là căn nhà tại Quận 12) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 523824, số vào sổ cấp GCN CH01709 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 17/02/2011, cấp nhật chuyển nhượng cho ông Đoàn Trần D và bà Đỗ Thị Thanh T theo hồ sơ số 26782.009184.CN.VP ngày 07/02/2013. Ông D xác định tài sản vợ chồng cùng tạo ra, ông có công sức đóng góp mua nhà nhiều hơn, nay bà T yêu cầu chia thì ông yêu cầu được chia nhiều hơn với tỷ lệ 6/10 và ông có yêu cầu nhận nhà, thối lại giá trị phần bà T theo giá đã định giá. Bản tự khai ngày 28/4/2021, ông D yêu cầu Tòa chia mỗi bên 1/2 giá trị nhà và quyền sử dụng đất, ông có nhu cầu nhận nhà nhưng tùy Tòa quyết định bên nào nhận nhà thì thanh toán lại tiền

cho bên kia theo giá trị nhà và quyền sử dụng đất theo giá thực tế tại thời điểm thi hành.

Chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA màu đen, biển số đăng ký 51G-266.15 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 242017 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Đoàn Trần D ngày 13/01/2017. Ông D và bà T thống nhất giá trị hiện tại (sau khi đã trả tiền vay) của xe là 400.000.000 đồng, ông D toàn quyền sở hữu xe và thanh toán lại cho bà T 200.000.000 đồng trong tháng 5/2021.

Về nợ chung: Trước đây ông D và bà T có vay tiền của Ngân hàng S, ngày 19/4/2021 đã tất toán khoản vay nên hiện nay không có nợ chung.

Tại đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng ngày 04/7/2018, đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu ngày 04/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đỗ Thị Thanh T trình bày:

Bà T thống nhất với lời trình bày của ông D về thời gian chung sống, kết hôn; về mâu thuẫn vợ chồng; về con chung; và về tài sản chung, nợ chung. Theo bà T, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc như bao gia đình khác, đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do có hiểu nhầm nhau trong việc chia sẻ cuộc sống và niềm tin. Nay ông D yêu cầu ly hôn bà không đồng ý vì lý do tôn giáo, yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Trường hợp ly hôn, bà T đồng ý trực tiếp nuôi trẻ Đoàn Đỗ Minh K sinh ngày 17/6/2008, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi trẻ K 12.000.000 đồng/tháng. Về con chung Đoàn Như Q sinh năm 2000 đã trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung là căn nhà tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, bà T yêu cầu chia theo tỷ lệ 6/4, bà được hưởng 6/10 giá trị tài sản, ông D được hưởng 4/10 giá trị lý do bà bị thiệt thòi trong cuộc sống, ông D là người đã tự ý bỏ mẹ con bà đi sống chung với người phụ nữ khác khiến tinh thần bà bị tổn thương. Bà T yêu cầu được nhận nhà và thanh toán lại giá trị phần ông D, bà thống nhất giá trị căn nhà theo giá công ty định giá là 3.292.240.000 đồng.

Về tài sản chung chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA màu đen, biển số đăng ký 51G-266.15, bà T thống nhất giá trị hiện tại xe là 400.000.000 đồng, ông D sẽ nhận xe và thanh toán cho bà T 200.000.000 đồng trong tháng 5/2021.

Về nợ chung: Vợ chồng đã tất toán xong khoản vay của Ngân hàng S vào ngày 19/4/2021, hiện ông D và bà T không có nợ chung.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Viết H và bà Trần Thị N do ông Đoàn Trần D là người đại diện hợp pháp trình bày: Hiện ông H và bà N đang thực tế cư trú trong căn nhà địa chỉ 21/22 đường TTH 08, Khu phố 3A, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình sinh sống, ông H bà N không xây sửa hay tôn tạo gì trong căn nhà. Nay ông D, bà T yêu cầu chia tài

sản chung là căn nhà trên ông H, bà N không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngân hàng S do Bà Nguyễn Thị Trúc Đ đại diện trình bày: Năm 2017, ông Đoàn Trần D và bà Đỗ Thị Thanh T có vay Ngân hàng số tiền 525.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số SHBVN/HCMC/2017/CAR/DTD/HDTD ngày 17/01/2017, có ký Hợp đồng thế chấp số SHBVN/HCMC/2017/CAR/DTD/HDTTC dùng tài sản là xe ô tô nhãn hiệu MAZDA màu đen, biển số đăng ký 51G-266.15 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 242017 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Đoàn Trần D ngày 13/01/2017 để đảm bảo khoản vay. Ngày 19/4/2021, ông D và bà T đã tắt toán khoản vay và giải chấp tài sản thế chấp, Ngân hàng không còn liên quan quyền lợi hay nghĩa vụ gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Đoàn Trần D có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn bà Đỗ Thị Thanh T trình bày: Bà không đồng ý ly hôn vì tôn giáo, không được phép ly hôn. Nếu tòa giải quyết ly hôn, bà trực tiếp nuôi trẻ K và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 12.000.000 đồng. Đối với căn nhà tại Quận 12, bà yêu cầu chia tỷ lệ bà 6/10, ông D 4/10, bà có nhu cầu nhận nhà để ở, thối lại cho ông D 40% giá trị tài sản theo giá tại thời điểm thi hành. Bà yêu cầu nhận nhà và giao tiền cho ông D trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, và nếu bà không nhận nhà thì ông D được nhận nhà trong 03 tháng tiếp. Đối với xe ô tô thì bà giao cho ông D nhận xe và thanh toán cho bà 200.000.000 đồng trong tháng 5/2021. Hai bên hiện không có nợ chung. Hiện bà T đang giữ bản chính thông báo nộp lệ phí trước bạ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 523824, số vào sổ cấp GCN CH01709 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 17/02/2011, cập nhật chuyển nhượng cho ông Đoàn Trần D và bà Đỗ Thị Thanh T theo hồ sơ số 26782.009184.CN.VP ngày 07/02/2013.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - Luật sư Hoàng Vũ P trình bày: Mặc dù không đồng ý ly hôn vì lý do có đạo nhưng đời sống vợ chồng đã không tồn tại. Thực tế bà T nuôi hai con nhưng bà T không yêu cầu cấp dưỡng đối với Đoàn Như Q hiện vẫn còn đi học, chỉ yêu cầu ông D cấp dưỡng mỗi tháng 12.000.000 đồng cho trẻ K. Liên quan chiếc xe ô tô, đề nghị chấp nhận ý kiến bà T và buộc ông D thanh toán đúng quy định. Liên quan căn nhà tại Quận 12, do bà T là nạn nhân của cuộc hôn nhân, ông D có người phụ nữ khác nên bà T bị thiệt thòi lại phải trực tiếp nuôi hai con nên yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T nhận nhà với tỷ lệ 60% giá trị và thanh toán tiền lại cho ông D 40% giá trị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Viết H và bà Trần Thị N do ông Đoàn Trần D là người đại diện hợp pháp có đơn xin vắng mặt.

Ngân hàng S do Bà Nguyễn Thị Trúc Đ là người đại diện hợp pháp có yêu cầu xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Kiến nghị Tòa án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của các đương sự như sau: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung trẻ K cho bà T trực tiếp nuôi, ông D cấp dưỡng 12.000.000 đồng/tháng; Về căn nhà, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T về việc chia cho bà nhiều hơn tỷ lệ 6/4, yêu cầu Tòa chia đôi theo quy định pháp luật, chấp nhận giao nhà cho bà T do bà T nuôi con nhỏ; về xe ô tô giao ông D sở hữu và ông D bồi lại bà T 200.000.000 đồng trong tháng 5/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đoàn Trần D nộp đơn xin ly hôn bà Đỗ Thị Thanh T, bà T cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Đương sự vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt gồm: Ông D, ông H và bà N do ông D đại diện, bà Đ đại diện hợp pháp của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Hoàng Trí D1 vắng mặt.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà Đ, luật sư Hoàng Trí D1.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự:

[3.1] Về yêu cầu ly hôn: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/01/2008 thì quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa ông D và bà T có xảy ra mâu thuẫn; theo ông D mâu thuẫn về quan điểm sống, tài chính, cách cư xử, giáo dục con cái, vợ chồng không còn tôn trọng, có lời lẽ xúc phạm nhau; bà T xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn như trên nguyên nhân do cả hai có hiểu nhầm nhau trong việc chia sẻ cuộc sống và niềm tin, ông D ly hôn do có quen người phụ nữ khác. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2016 đầu năm 2017 cho đến nay, cả hai không còn tình cảm với nhau nên vợ chồng không hàn gắn được. Ông D cương quyết xin ly hôn, bà T không đồng ý ly hôn vì lý do tôn giáo không được phép ly hôn.

Do hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên nền tảng của sự thương yêu, quý trọng, tin tưởng, chăm sóc, giúp đỡ nhau và phải tôn trọng nhau nhưng giữa ông D và bà T đã thiếu sự thương yêu, tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bản thân bà T cũng nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn được nhưng vì lý do tôn giáo bà không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D.

[3.2] Về con chung: Ông D và bà T có 02 con chung tên Đoàn Như Q sinh năm 2000 đã thành niên và Đoàn Đỗ Minh K, sinh ngày 17/6/2008.

[3.2.1] Ly hôn, ông D yêu cầu giao trẻ K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T đồng ý. Nhận thấy, bà T trực tiếp chăm sóc trẻ K từ lúc vợ chồng ly thân và trẻ K có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó để đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.2.2] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi trẻ K 12.000.000 đồng/tháng, ông D đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận mức cấp dưỡng này. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ K 12.000.000 đồng/tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5/2021 cho đến khi trẻ K đủ tuổi trưởng thành.

[3.3] Về tài sản chung:

[3.3.1] Đối với Quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền trên đất tại địa chỉ 21/22 đường TTH 08, Khu phố 3A, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 523824, số vào sổ cấp GCN CHO1709 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 17/02/2011, cập nhật chuyển nhượng cho ông Đoàn Trần D và bà Đỗ Thị Thanh T theo hồ sơ số 26782.009184.CN.VP ngày 07/02/2013; sự thừa nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì đây là tài sản chung của ông D và bà T theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà T xác nhận đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 523824, số vào sổ cấp GCN CHO1709 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 17/02/2011 và Thông báo nộp lệ phí trước bạ.

Căn nhà tại Quận 12 hiện tại do ông D và ba mẹ ông D là ông Đoàn Viết H và bà Trần Thị N thực tế sinh sống. Ông H và bà N xác định không có sửa chữa gì trong căn nhà, không có yêu cầu gì và đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Bà T yêu cầu chia tài sản này theo tỷ lệ bà T được 6/10, ông D được 4/10 giá trị tài sản. Ông D yêu cầu chia đôi, mỗi người được ½ giá trị tài sản. Nhận thấy, bà T yêu cầu được chia phần nhiều hơn do từ khi mua nhà bà không được ở, ông D bỏ bà và hai con đi chung sống với người phụ nữ khác khiến tinh thần bà bị tổn thương nhưng bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh ông D vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, bà có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc tạo lập tài sản, bà bị cản trở trong việc sử dụng căn nhà. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T và ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T về việc chia cho bà T 6/10 giá trị tài sản; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chia đôi tài sản chung cho ông D và bà T, mỗi bên được ½ giá trị tài sản.

Về yêu cầu được nhận nhà, toàn quyền sở hữu tài sản và thanh toán lại giá trị phần cho bên kia phần được chia: Hai bên đều có yêu cầu nhận nhà và thanh toán lại cho bên kia. Xét bà T có nhu cầu về chỗ ở và đang trực tiếp nuôi con chưa thành niên; mặc dù quá trình giải quyết vụ án, ông D có nhu cầu nhận nhà nhưng tại bản khai ngày 28/4/2021 ông D không đặt nặng nhu cầu nhận nhà, bên nào nhận nhà cũng được. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận giao quyền ưu tiên nhận nhà cho bà T đồng thời bà T có trách nhiệm thanh toán cho ông D ½ giá trị tài sản tại thời điểm thi hành án.

Bà T yêu cầu được thi hành trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, hết hạn mà bà không thực hiện được, ông D được nhận nhà và thanh toán ½ giá trị tài sản trong 3 tháng tiếp theo. Nhận thấy, thời hạn thi hành bà T đưa ra là hợp lý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngay sau khi bà T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho ông D thì ông D, ông H, bà N có trách nhiệm giao căn nhà tại Quận 12 cho bà T; ngược lại ngay sau khi ông D thanh toán hết cho bà T thì bà T có trách nhiệm giao bản chính giấy tờ nhà cho ông D.

Hết thời hạn 6 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, trong trường hợp hai bên không thực hiện việc nhận nhà và thanh toán cho bên kia ½ giá trị tài sản thì một trong hai bên có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản; sau khi trừ đi các chi phí theo quy định pháp luật số tiền còn lại được chia đôi cho hai bên.

[3.3.2] Chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA màu đen, biển số đăng ký 51G-266.15 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 242017 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Đoàn Trần D ngày 13/01/2017. Ông D và bà T xác định là tài sản chung và thống nhất giá trị của xe là 400.000.000 đồng. Bà T giao xe cho ông D sở hữu và thanh toán cho bà T 200.000.000 đồng trong tháng 5/2021, ông D đồng ý. Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà T.

[3.3.3] Về nợ chung: Bà T, ông D, đại diện Ngân hàng S xác nhận ông D bà T đã tắt toán khoản vay và giải chấp tài sản thế chấp vào ngày 19/4/2021. Ông D và bà T khai không có nợ chung.

[4] *Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung trẻ K cho bà T trực tiếp nuôi, ông D cấp dưỡng 12.000.000 đồng/tháng; Về căn nhà, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T về việc chia cho bà tỷ lệ 6/10, yêu cầu Tòa chia đôi theo quy định pháp luật, chấp nhận giao nhà cho bà T; về xe ô tô giao ông D sở hữu và ông D thối lại bà T 200.000.000 đồng trong tháng 5/2021.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] *Về án phí và chi phí tố tụng:*

[5.1] Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng do ông D chịu

[5.2] Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng do ông D chịu.

[5.3] Án phí chia tài sản chung:

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số Vc 19/01/005/BĐS-TPVI ngày 28/01/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thẩm định giá Tiên Phong thì giá trị đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ 21/22 đường TTH 08, Khu phố 3A, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh là 3.292.240.000 đồng.

Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T, ông D mỗi bên được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất nên án phí bà T, ông D chịu tương ứng với giá trị được hưởng, cụ thể là $36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times (3.292.240.000 \text{ đồng} : 2 - 800.000.000 \text{ đồng}) = 61.383.600 \text{ đồng}$; mỗi bên được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị xe ô tô tương đương 200.000.000 đồng nên án phí mỗi bên chịu là 10.000.000 đồng. Án phí chia tài sản chung ông D bà T mỗi bên phải chịu là 71.383.600 đồng.

Tổng cộng án phí ông Đoàn Trần D phải chịu là 71.983.600 đồng, căn trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 006867 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, ông D phải nộp thêm án phí là 71.683.600 đồng.

Án phí bà Đỗ Thị Thanh T phải chịu là 71.383.600 đồng, căn trừ vào số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008633 ngày 10/7/2018 và số tiền 4.375.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0068093 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, bà T còn phải nộp tiền án phí là 62.008.600 đồng.

[5.4] Về chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm: chi phí thẩm định giá là 11.000.000 đồng và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng, bà T yêu cầu mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ chi phí này. Do bà T đã tạm ứng

toàn bộ số tiền là 15.000.000 đồng nên căn cứ khoản 2 Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự, ông D có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền 7.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 33, 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Đoàn Trần D được ly hôn với bà Đỗ Thị Thanh T.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Đoàn Như Q – sinh năm 2000 (đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Đoàn Đỗ Minh K, sinh ngày 17/6/2008. Giao con chung tên Đoàn Đỗ Minh K cho bà Đỗ Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đoàn Trần D cấp dưỡng nuôi trẻ K 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng/tháng, thực hiện cấp dưỡng từ tháng 5/2021 cho đến khi trẻ K thành niên.

Ông Đoàn Trần D được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1. Xác định Quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền trên đất tại địa chỉ 21/22 đường TTH 08, Khu phố 3A, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 523824, số vào sổ cấp GCN CHO1709 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 17/02/2011, cập nhật chuyển nhượng cho ông Đoàn Trần D và bà Đỗ Thị Thanh T theo hồ sơ số

26782.009184.CN.VP ngày 07/02/2013 là tài sản chung của ông Đoàn Trần D và bà Đỗ Thị Thanh T.

- Bà Đỗ Thị Thanh T được toàn quyền sở hữu tài sản trên, đồng thời bà T có trách nhiệm thanh toán cho ông D $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản theo giá tại thời điểm thi hành án trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Ngay sau khi bà T thanh toán hết cho ông D thì ông D, ông H, bà N có trách nhiệm giao căn nhà tại Quận 12 cho bà T; đồng thời bà T được quyền liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cập nhật, sang tên quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 21/22 đường TTH 08, Khu phố 3A, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cho cá nhân bà T.

- Hết thời hạn 3 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bà T không thanh toán cho ông D $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản theo giá tại thời điểm thi hành án thì trong thời hạn 3 tháng tiếp theo, ông D được toàn quyền sở hữu tài sản và thanh toán cho bà T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản theo giá tại thời điểm thi hành.

Ngay sau khi ông D thanh toán hết cho bà T thì bà T có trách nhiệm giao bản chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 523824, số vào sổ cấp GCN CHO1709 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 17/02/2011 và Thông báo nộp lệ phí trước bạ cho ông D; đồng thời ông D được quyền liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cập nhật, sang tên quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 21/22 đường TTH 08, Khu phố 3A, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cho cá nhân ông.

- Hết thời hạn 6 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, trong trường hợp hai bên không thực hiện việc nhận nhà và thanh toán cho bên kia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản thì một trong hai bên có quyền yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản; sau khi trừ đi các chi phí theo quy định pháp luật số tiền còn lại được chia đôi cho hai bên.

3.2. Xác định xe ô tô nhãn hiệu MAZDA màu đen, biển số đăng ký 51G-266.15 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 242017 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Đoàn Trần D ngày 13/01/2017 là tài sản chung của ông D và bà T.

Ông Đoàn Trần D được quyền sở hữu xe ô tô và có trách nhiệm thanh toán cho bà Đỗ Thị Thanh T 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Thời hạn thanh toán ngày 31/5/2021.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có.

5. Ông Đoàn Trần D có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị Thanh T số tiền 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm ngàn) đồng là $\frac{1}{2}$ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Trường hợp ông Đoàn Trần D chậm thực hiện nghĩa vụ về cấp dưỡng nuôi con, nghĩa vụ về tài sản thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành

án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, ông Đoàn Trần D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Về án phí:

Án phí ông Đoàn Trần D phải chịu là 71.983.600 (Bảy mươi một triệu chín trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm) đồng, cần trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 006867 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, ông D phải nộp thêm án phí là 71.683.600 (Bảy mươi một triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm) đồng.

Án phí bà Đỗ Thị Thanh T phải chịu là 71.383.600 (Bảy mươi một triệu ba trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm) đồng, cần trừ vào số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008633 ngày 10/7/2018 và số tiền 4.375.000 (Bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0068093 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, bà T còn phải nộp tiền án phí là 62.008.600 (Sáu mươi hai triệu lẻ tám ngàn sáu trăm) đồng.

8. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND P.7, Q.Tân Bình, TP.HCM (Giấy CNKH số 01 cấp ngày 07/01/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bành Kim Phụng

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bành Kim Phụng